

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 302/2024/DS-ST
Ngày 17-9-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Tú Nhi;
- Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 215/2024/TLST-DS ngày 12/4/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc L, sinh năm 1971; địa chỉ: 3 (số M) T, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: A khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đ, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 25/3/2024), có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thanh H1, sinh năm 1985 và ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1983; cùng địa chỉ: Số G P, phường Đ, quận H, thành phố H, là người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền ngày 22/4/2024). Bà H1 và ông T đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn L1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số A đường T, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1957; địa chỉ: Số C N, khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25/3/2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L do ông Phạm Đình N là người đại diện hợp pháp trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc L và bà Nguyễn Thị Kim H là quen biết nhau ngoài xã hội. Năm 2022, bà H nói cần tiền làm ăn nên ngày 25/05/2022 bà L cho bà H vay 300.000.000 đồng với thời hạn vay đến ngày 15/7/2022 trả lại. Tuy nhiên, đến ngày 15/7/2022 bà H không có tiền trả nên xin gia hạn thêm thời hạn vay, khi nào bà L cần thì bà H sẽ trả. Ngày 21/08/2022 bà H vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 26/12/2022 vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 05/02/2023 vay thêm số tiền 100.000.000 đồng. Khoản vay ngày 21/8/2022, ngày 26/12/2022 và 05/02/2023 thì bà H cam kết trả lại cho bà L bất cứ khi nào bà L yêu cầu. Việc vay tiền các bên không thoả thuận lãi suất.

Bà L gặp khó khăn về tài chính và cần tiền để giải quyết công việc làm ăn nên đã nhiều lần yêu cầu bà H trả tiền nhưng bà H không trả. Ngày 11/3/2024 bà L đã gửi Thông báo về việc yêu cầu trả tiền vay, đề nghị bà H sắp xếp trả tiền cho bà L trong thời hạn 06 (sáu) ngày kể từ ngày 12/3/2024 nhưng đến nay bà H vẫn chưa trả. Do đó, bà L đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Dĩ An giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc L tổng cộng số tiền 2.520.000.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/3/2024 đến ngày xét xử 17/9/2024 là: $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$.

Tại phiên toà người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L là ông Phạm Đình N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc L tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/3/2024 đến ngày xét xử 17/9/2024 là: $2.400.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 06 \text{ tháng} = 120.000.000 \text{ đồng}$.

Đại diện nguyên đơn xác định toàn bộ tiền cho vay nêu trên là tài sản riêng

của bà L, không thuộc sở hữu chung với bất cứ tổ chức, cá nhân nào khác. Nguyên đơn cho cá nhân bà H vay, không phải cho vợ chồng bà H, ông L1 vay. Quá trình vay chỉ có nguyên đơn với bà H biết, chồng bà H ông L1 không biết và không liên quan. Do đó, nguyên đơn chỉ yêu cầu cá nhân của bà H phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 2.400.000.000 đồng, không yêu cầu ông L1 phải có trách nhiệm trả. Bà L xác định bà H vay là vay trực tiếp tiền của bà L, bà H2 không có liên quan và đề nghị không đưa bà Trần Thị H2 vào tham gia tố tụng. Còn tại biên nhận ngày 25/5/2022 có ghi nội dung “*Trần Thị H2, 16.700, 050640521496 và S*” là do khi bà L với bà H2 lấy số tài khoản của nhau để chuyển khoản giải quyết công việc cá nhân không có giấy nên mới ghi đỡ trong tờ giấy này chứ bà H2 không liên quan đến khoản vay giữa bà H với bà L.

- *Quá trình tố tụng, bà Nguyễn Thị Kim H và người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim H là bà Nguyễn Thanh H1 trình bày:*

Bà H thống nhất với toàn bộ lời trình bày của bà L tại đơn khởi kiện. Trước khi khởi kiện đến nay, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà H phải trả số tiền 2.400.000.000 đồng nhưng do khó khăn nên bà H chưa trả cho bà L. Bà H xác định bà H có nợ bà Trần Thị Ngọc L số tiền 2.400.000.000 đồng như đơn khởi kiện bà L yêu cầu. Nay bà L yêu cầu bà H trả tiền gốc 2.400.000.000 đồng thì bà H đồng ý trả nhưng bà H đề nghị thời hạn trả trong vòng 01 tháng, hạn chót là đến ngày 04/9/2024. Đến ngày 05/9/2024 mà bà H không trả thì bà H đồng ý Toà án xử buộc bà H phải trả cho bà L số tiền 2.400.000.000 đồng.

Bà H xác định tiền bà H mượn bà L là bà H tiêu xài cá nhân, không sử dụng số tiền này để sử dụng cho gia đình hoặc phát triển khối tài sản chung của gia đình. Đây là khoản nợ riêng của bà H, ông L1 không liên quan nên bà H nhận trách nhiệm một mình trả cho bà L. Còn tiền lãi thì bà H xin bà L không yêu cầu. Bà H xác định tiền bà H mượn là mượn của bà L, không phải của bà H2, quá trình vay mượn tiền bà H2 cũng không biết và không liên quan.

- *Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1 trình bày:*

Ông Lê Văn L1 là chồng của bà Nguyễn Thị Kim H. Khoản vay nợ của bà L với bà H là tự bà H vay, tự thỏa thuận với bà L, ông L1 không biết. Ông L1 xác định ông không sử dụng, chi tiêu gì liên quan đến số tiền bà H vay của bà L. Bà H tự mượn, tự tiêu xài cá nhân, không dùng số tiền này để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình, cũng không sử dụng số tiền này để phát triển khối tài sản chung của gia đình. Hiện tại gia đình ông L1 không túng thiếu đến mức bà H phải mượn tiền để lo cho gia đình. Do đó, ông xác định khoản vay bà L là nợ riêng của bà H nên bà H có trách nhiệm trả một mình, ông L1 không có liên quan và không có trách nhiệm trả.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà Trần Thị H2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Trần Thị H2 là chị ruột của Trần Thị Ngọc L. Bà H2 xác định tiền bà H mượn của bà L là tiền của bà L, không liên quan đến bà H2. Việc bà L cho vay và thỏa thuận lãi như thế nào với bà H, bà H2 không biết và không có liên quan. Từ trước đến nay bà H2 chưa bao giờ lấy lãi thay bà L. Còn tiền bà H vay của bà H2 là khoản tiền khác và hiện bà H2 cũng đang khởi kiện tại Tòa án, hoàn toàn không liên quan đến khoản tiền của bà L. Nay bà L khởi kiện bà H thì bà H2 không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L là ông Phạm Đình N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền lãi quá hạn 120.000.000 đồng tính từ ngày 17/3/2024 đến ngày 17/9/2024 nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đã rút. Đối với yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị Kim H có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị Ngọc L tiền nợ gốc là 2.400.000.000 đồng là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị H2 vắng mặt có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H là bà Nguyễn Thanh H1 và ông Nguyễn Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn L1 và bà Trần Thị H2.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về việc yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền lãi quá hạn tính từ ngày 17/3/2024 đến ngày xét xử 17/9/2024 là: 2.400.000.000 đồng x 10%/năm x 06 tháng = 120.000.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện đã rút.

[3] Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hoá đơn bán lẻ ngày 05/02/2023 có ghi nhận nội dung bà Nguyễn Thị Kim H vay 100.000.000 đồng của bà L; Biên nhận 1.000.000.000 đồng ngày 26/12/2022; Biên nhận 500.000.000 đồng ngày 21/8/2022; Biên nhận ngày 21/8/2022 và Biên nhận ngày 25/5. Quá trình tố tụng bị đơn đều đã thừa nhận những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác nhận nội dung các bên đã thỏa thuận, số tiền vay 2.400.000.000 đồng đã nhận của bà L, thời hạn vay theo trình bày của bà L tại đơn khởi kiện. Xét thấy, sự thừa nhận của đương sự là tài liệu chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về quan hệ vay tiền giữa bà Trần Thị Ngọc L với bà Nguyễn Thị Kim H: Nguyên đơn xác định quan hệ giữa nguyên đơn với bị đơn là quan hệ vay tiền, số tiền bị đơn vay của nguyên đơn là tổng cộng là 2.400.000.000 đồng vào các ngày 25/5/2022, 21/8/2022, 26/12/2022 và 05/02/2023. Thời hạn vay của khoản vay ngày 25/5/2022 là ngày 15/7/2022 trả lại nên đây là khoản vay có kỳ hạn, còn các khoản vay khác thì khoản vay không kỳ hạn. Bị đơn thống nhất về nội dung trình bày này của nguyên đơn nên có căn cứ xác định quan hệ giao dịch giữa nguyên đơn với bị đơn là hợp đồng vay tài sản và số tiền bà H đã vay của bà L là 2.400.000.000 đồng.

Xét, mặc dù nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên, các đương sự đều xác định quá trình vay chỉ có bà L và bà Hồng t thỏa thuận, ông L1 không biết. Quá trình tố tụng, cũng không có chứng cứ để chứng minh bà H dùng số tiền vay của bà L để đáp ứng cho nhu cầu thiết yếu của gia đình hay để phát triển khối tài sản chung của gia đình. Mặt khác, nguyên đơn xác định chỉ cho cá nhân bà Nguyễn Thị Kim H vay và chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Kim H phải trả số tiền gốc còn lại là 2.400.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở xác định số tiền nợ 2.400.000.000 đồng theo Hoá đơn bán lẻ ngày 05/02/2023; Biên nhận ngày 26/12/2022; Biên nhận ngày 21/8/2022; Biên nhận ngày 21/8/2022 và Biên nhận ngày 25/5/2022 là nợ riêng của bà Nguyễn Thị Kim H, không phải là nợ chung của bà H và ông L1.

Theo quy định của Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...”*. Quá trình tố tụng, bị đơn bà H cũng đồng ý trả số tiền gốc 2.400.000.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn trả nợ gốc 2.400.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên tổng số tiền phải trả cho bà Trần Thị Ngọc L theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 92, 144, 147, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả tiền lãi quá hạn 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng tính từ ngày 17/3/2024 đến ngày 17/9/2024.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc L đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền 2.400.000.000 (hai tỷ bốn trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Trả lại cho bà Trần Thị Ngọc L số tiền 41.200.000 (bốn mươi một triệu hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002779 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- CC THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Mai